

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 28-09-2017

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tín

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Lững,

Ông Phạm Hùng Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Hồ Hữu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 130/2017/TLST-HNGĐ ngày 18/4/2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/8/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2017/QĐST-HNGĐ ngày 24/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2017/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thanh L, sinh năm 1995, (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 7, thôn Đ, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

- Bị đơn: Ông Trần Ngọc S, sinh năm 1993, (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố P 1, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 04/4/2017 và bản tự khai ngày 26/4/2017, nguyên đơn bà Đỗ Thanh L trình bày: Bà và ông Trần Ngọc S chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D vào ngày 12/11/2013. Sau khi kết hôn, bà và ông S chung sống hạnh phúc. Từ giữa năm 2016 đến nay, hai bên chung sống không hạnh phúc, do không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi

vã, ông S uống rượu, bài bạc, không quan tâm đến vợ con, cả hai không thể khắc phục được mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2017 cho đến nay. Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Ngọc S.

Về con chung: Bà và ông S có 01 con chung là Trần Ngọc Tường V (sinh ngày 31/7/2015), bà yêu cầu trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L xác định không có tài sản chung và nợ chung với ông S.

Tòa án xác minh và tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với ông Trần Ngọc S tại địa chỉ nêu trên nhưng ông S không đến Tòa để Tòa án tiến hành thủ tục Hòa giải.

Tại phiên tòa, bà L thay đổi yêu cầu về mức cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/tháng, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các ý kiến khác như đã trình bày trên. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Trần Ngọc S vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thanh L và ông Trần Ngọc S tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà L xác định hai bên chung sống không hạnh phúc do không cùng quan điểm sống, không khắc phục được mâu thuẫn, và không còn chung sống. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông S đều không đến Tòa để trình bày ý kiến tại phiên hòa giải và tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Đỗ Thanh L và ông Trần Ngọc S đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của bà L được ly hôn với ông S là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung : Trần Ngọc Tường V hiện dưới 36 tháng tuổi, bà L đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu của nguyên đơn về mức cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp. Mặt khác, ông S không đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu nuôi con chung. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ nên cần được chấp nhận, giao con chung của bà L và ông S là Trần Ngọc Tường V (sinh ngày 31/7/2015) cho bà L trực tiếp nuôi, buộc ông S

cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2017 cho đến khi **Trần Ngọc Tường V** đủ 18 tuổi. Ông S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L xác định không có tài sản chung và nợ chung với ông S nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Đỗ Thanh L phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, ông Trần Ngọc S phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm do có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 20/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (quy định về án phí và lệ phí Tòa án).

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đỗ Thanh L. Bà Đỗ Thanh L được ly hôn ông Trần Ngọc S.

[2] Về con chung:

- Bà Đỗ Thanh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung **Trần Ngọc Tường V (sinh ngày 31/7/2015)**.

- Ông Trần Ngọc S cấp dưỡng nuôi con chung cho bà L theo định kỳ, mức cấp dưỡng: 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2017 cho đến khi Trần Ngọc Tường V đủ 18 (Mười tám) tuổi.

- Ông Trần Ngọc S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Bà Đỗ Thanh L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0018033 ngày 18 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D. Do đó, bà L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Trần Ngọc S phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Quy định: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành, theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

[4] Quyền kháng cáo: Bà Đỗ Thanh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Trần Ngọc S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THA dân sự huyện D;
- UBND thị trấn D
(nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Tín

